

Luật phí và lệ phí

GV Trần Quang Vũ

Luật phí và lệ phí

Chương 1: Quy định chung

Chương 2: Nguyên tắc xác định mức thu

Chương 3: Kê khai, thu nộp lệ phí

Chương 4: Quyền, trách nhiệm của các bên

Chương 5: Trách nhiệm của cơ quan nhà nước

Chương 6: Điều khoản thí hành

Luật phí và lệ phí

Chương 1: Quy định chung

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Điều 3: Giải thích từ ngữ

Điều 4: Danh mục và thẩm quyền quy định P, LP

Điều 5: Áp dụng luật phí, lệ phí

Điều 6: Người nộp phí, lệ phí

Điều 7: Tổ chức thu phí, lệ phí

Luật phí và lệ phí

Chương 2: Nguyên tắc xác định mức thu

Điều 8: Nguyên tắc xác định mức thu phí

Điều 9: Nguyên tắc xác định mức thu lệ phí

Điều 10: Miễn, giảm phí, lệ phí

0913106015

Luật phí và lệ phí

Chương 3: Kê khai, thu nộp, sử dụng phí, lệ phí

Điều 11: Kê khai, nộp phí, lệ phí

Điều 12: Thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

Điều 13: Thu, nộp phí

0913106015

Luật phí và lệ phí

Chương 4: Quyền, trách nhiệm của các bên

Điều 14: Trách nhiệm của tổ chức thu phí, lệ phí

Điều 15: Quyền, trách nhiệm của người nộp lệ phí

Điều 16: Hành vi nghiêm cấm và xử lý vi phạm

0913106015

Luật phí và lệ phí

Chương 5: Quyền và trách nhiệm của nhà nước

Điều 17: Thẩm quyền của UBND Quốc hội

Điều 18: Thẩm quyền và trách nhiệm của C. phủ

Điều 19: TQ & trách nhiệm của Bộ Tài chính

Điều 20: Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ

Điều 21: Thẩm quyền của Hội đồng ND cấp tỉnh

Điều 22: Thẩm quyền của UBND cấp tỉnh

Chương 1: Quy định chung

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

A. DANH MỤC PHÍ

STT	TÊN PHÍ	CƠ QUAN QUY ĐỊNH
I	PHÍ THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN	
1	Phí kiểm dịch	
1.1	Phí kiểm dịch động vật, thực vật	Bộ Tài chính
1.2	Phí kiểm dịch sản phẩm động vật	Bộ Tài chính
2	Phí kiểm soát giết mổ động vật	Bộ Tài chính
3	Phí phòng, chống dịch bệnh cho động vật	Bộ Tài chính
4	Phí bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Bộ Tài chính
5	Phí giám sát khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Bộ Tài chính
6	Phí bảo hộ giống trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	Bộ Tài chính

1 Danh mục phí, lệ phí

2 Người nộp phí, lệ phí



Chương 1: Quy định chung

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh



3 Tổ chức thu phí, lệ phí



4 Nguyên tắc xác định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng phí, lệ phí

Chương 1: Quy định chung

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh



- 5) Thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan Nhà nước, tổ chức trong quản lý phí, lệ phí

Điều 2: Đối tượng áp dụng



1 Cơ quan Nhà nước



2 Đơn vị sự nghiệp công lập



3 Tổ chức, cá nhân liên quan

Điều 3: Giải thích từ ngữ

Phí là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả nhằm **cơ bản bù đắp chi phí** và mang tính phục vụ khi được cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ công được quy định trong **Danh mục phí**.



Lệ phí là khoản tiền được **án định** mà tổ chức, cá nhân phải nộp khi được cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được quy định trong **Danh mục lệ phí**.



Điều 4. Danh mục và thẩm quyền quy định phí, lệ phí

B. DANH MỤC LỆ PHÍ

STT	TÊN LỆ PHÍ	CƠ QUAN QUY ĐỊNH
I	LỆ PHÍ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN	
1	Lệ phí quốc tịch	Bộ Tài chính
2	Lệ phí đăng ký cư trú	* Bộ Tài chính quy định đối với hoạt động do cơ quan trung ương cấp; * Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với hoạt động do cơ quan địa phương thực hiện.
3	Lệ phí cấp chứng minh nhân dân, căn cước công dân	* Bộ Tài chính quy định đối với hoạt động do cơ quan trung ương cấp; * Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với hoạt động do cơ quan địa phương thực hiện.

Ủy ban thường vụ Quốc hội

Chính phủ

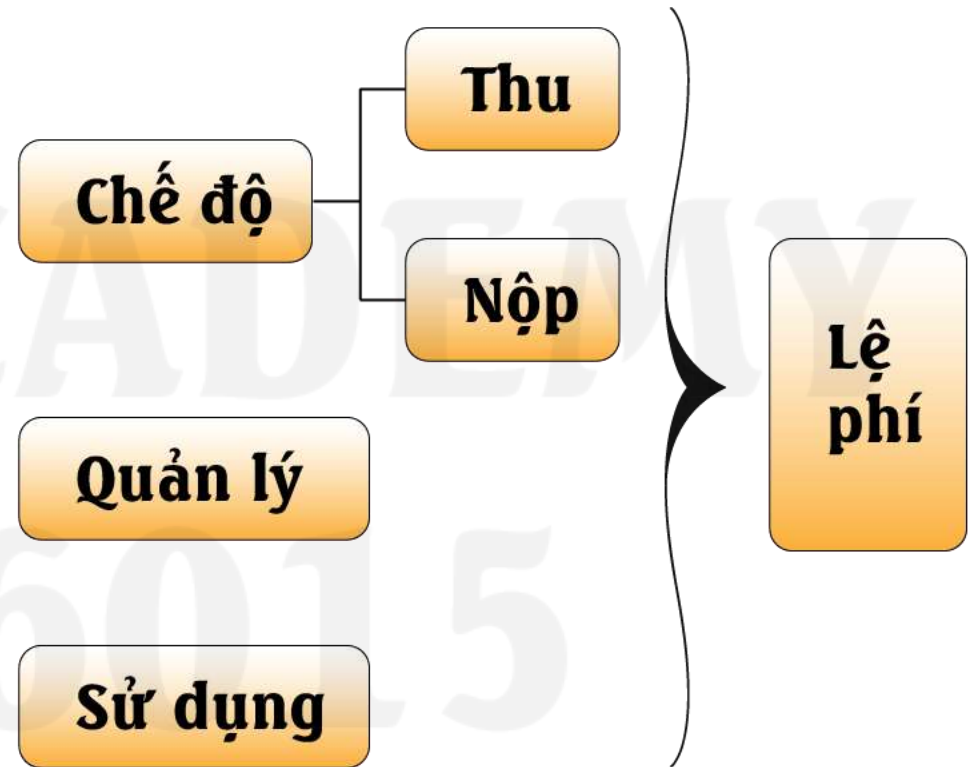
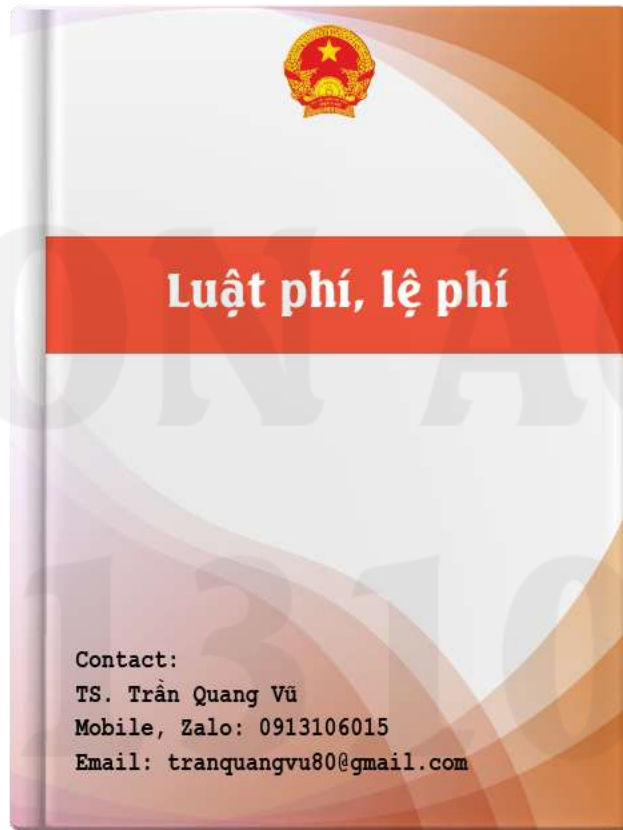
Bộ trưởng Bộ Tài chính

HĐND cấp tỉnh

1 Danh mục phí, lệ phí được ban hành kèm theo Luật này

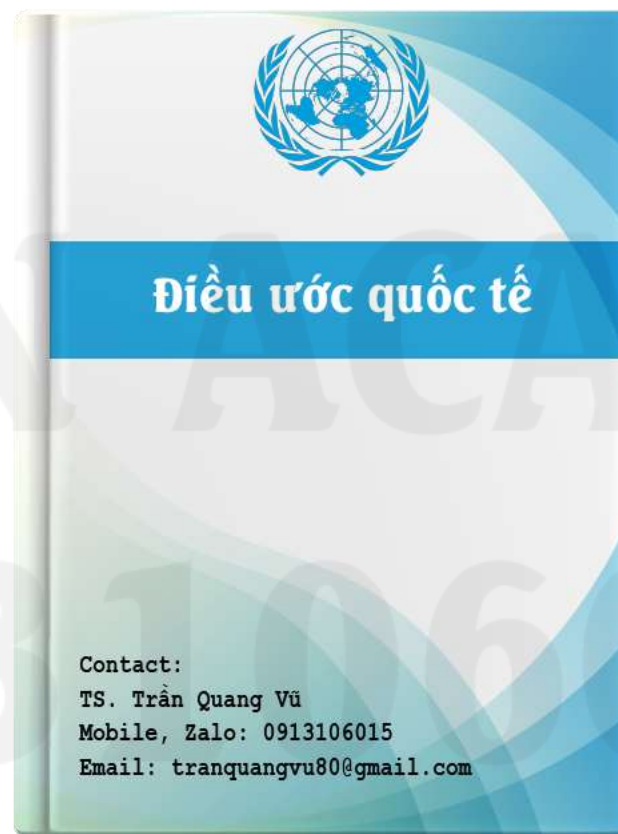
2 Thẩm quyền quy định phí, lệ phí

Điều 5. Áp dụng luật và điều ước quốc tế



- 1 Trường hợp luật khác có quy định về phí, lệ phí thì các nội dung về **chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí** thực hiện theo quy định của Luật này.

Điều 5. Áp dụng luật và điều ước quốc tế



2

Trường hợp điều ước quốc tế mà CHXHCN Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 6. Người nộp phí, lệ phí



Người nộp phí, lệ phí là tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước theo quy định của Luật này.

Điều 7. Tổ chức thu phí, lệ phí



1 Cơ quan Nhà nước



2 Đơn vị sự nghiệp công lập



3 Tổ chức được giao cung cấp dịch vụ công

Chương II: Nguyên tắc xác định mức thu, miễn giảm phí, lệ phí

0913106015

Điều 8. Nguyên tắc xác định mức thu phí

Nguyên tắc xác định mức thu **PHÍ**

Bảo đảm bù đắp
chí phí

Có tính đến
chính sách phát triển
KT-XH của Nhà nước

Bảo đảm công
bằng, công khai,
minh bạch

Bình đẳng về quyền
và nghĩa vụ của
công dân



Điều 9. Nguyên tắc xác định mức thu lệ phí

Nguyên tắc xác định
mức thu **LỆ PHÍ**

Mức thu lệ phí được ấn định
trước, không nhằm mục đích
bù đắp chi phí

Bảo đảm công
bằng, công khai,
minh bạch

Mức thu lệ phí trước bạ
được tính bằng tỷ lệ phần trăm
trên giá trị tài sản

Bình đẳng về quyền
và nghĩa vụ của
công dân

Điều 10. Miễn, giảm phí, lệ phí

Các đối tượng thuộc diện miễn, giảm phí, lệ phí bao gồm:



1 Trẻ em



2 Người cao tuổi



3 Hộ nghèo



4 Người khuyết tật

Điều 10. Miễn, giảm phí, lệ phí

Các đối tượng thuộc diện miễn, giảm phí, lệ phí bao gồm:



5 Người có công với cách mạng



6 Đồng bào dân tộc thiểu số



7 Đối tượng đặc biệt khác

Đăng ký học để xem FULL bài giảng

0913106015